

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 6 năm 2020

“V/v: Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hùng

Bà Đặng Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Minh Đoàn – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2020, về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H, sinh ngày 14/2/1980

Nơi cư trú: Thôn Ngọc Trung, xã Ngọc Mỹ, huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Anh Dương Đức B, sinh ngày 29/4/1973;

Nơi cư trú: Thôn Ngọc Trung, xã Ngọc Mỹ, huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 02/3/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Đặng Thị H trình bày:

Chị và anh B kết hôn ngày 05/12/1997, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Mỹ. Sau khi kết hôn, chị về chung sống và làm ăn cùng gia đình anh B được 01 năm thì vợ chồng ra ăn, ở riêng. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B không có trách nhiệm với gia đình, hay chơi bời cờ, bạc nên từ đó dẫn đến kinh tế gia đình gặp khó khăn, chị có nói thì anh B nhiều lần đánh đuổi chị ra khỏi nhà, nên chị và anh B sống ly thân từ đó. Đầu năm 2020 anh B còn dùng dao

đánh đập chị, dọa giết chị sau đó chị có làm đơn báo cơ quan Công an, sau đó chị bỏ hẳn về nhà bố, mẹ đẻ ở, chị và anh B sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, nên xin được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Dương Thị Lan Anh, sinh ngày 19/10/1998 và Dương Ngọc Anh, sinh ngày 15/01/2013. Cháu Lan Anh hiện đã trưởng thành và có thể lao động tự túc được nên không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu Ngọc Anh đang ở với chị. Ly hôn, chị xin nuôi cháu Ngọc Anh và đề nghị anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 1.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lời khai ngày 13/3/2020 và biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Dương Đức B trình bày:

Anh cũng xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống như chị H trình bày là đúng. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong lúc anh uống rượu say anh không làm chủ được mình nên có đánh và dọa dẫm chị H. Còn từ năm 2017, là do anh đi làm ăn xa nên không ở nhà. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị H xin ly hôn, anh không đồng ý, anh muốn vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh xác định như chị H trình bày. Nếu ly hôn, anh xin nuôi cháu Ngọc Anh và không đề nghị chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh; còn nếu như chị H được nuôi con thì anh nhất trí đóng góp nuôi con chung cùng chị H 1.000.000đ/tháng.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến giai đoạn Hội đồng xét xử, nghị án đã thực hiện đầy đủ, trình tự đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị H được ly hôn anh B; giao cho chị H nuôi con chung và buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H; tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức do chị H và anh B không đề nghị giải quyết nên không xem xét; về án phí, chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Đặng Thị H và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp Hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn và nuôi con chung”. Bị đơn là anh Dương Đức B có địa chỉ tại xã Ngọc Mỹ, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Cuộc hôn nhân giữa chị Đặng Thị H và anh Dương Đức B là cuộc hôn nhân hợp pháp, xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau, kinh tế gia đình gặp khó khăn, không tin tưởng nhau nên từ đó tH xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đầu năm 2020, anh B đánh, đe dọa chị H nên chị H đã làm đơn trình báo cơ quan Công an sau đó chị H bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn còn anh B xin đoàn tụ.

Xét đề nghị của chị H và anh B thấy rằng: Tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh B không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc xin đoàn tụ của anh B là không thực tâm, chỉ nhằm mục đích kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, bởi lẽ trong suốt quá trình vợ chồng mâu thuẫn, chị H làm đơn xin ly hôn và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh B cũng không có biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nên đề nghị của anh B là không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, đề nghị của chị H xin ly hôn anh B là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình nên được xem xét chấp nhận.

[3] Xét đề nghị về việc giao nuôi con chung của chị H và anh B thấy rằng: Về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm nuôi con chung của chị H và anh B đều như nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên do hiện nay cháu Ngọc Anh là con gái, còn nhỏ nên rất cần có sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Ngọc Anh nên cần căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ngọc Anh và buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu Ngọc Anh thành niên có thể lao động tự túc được, xét việc chị H yêu cầu anh B đóng góp nuôi con 1.000.000đ/tháng là tự nguyện nên được chấp nhận.

[4] Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị H và anh B không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh Dương Đức B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Pháp luật theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Cho Chị Đặng Thị H được ly hôn anh Dương Đức B.

Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Ngọc Anh, sinh ngày 15/01/2013; buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu Ngọc Anh thành niên và có thể lao động tự túc được. Sau khi ly hôn, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị H và anh B không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh B không thanh toán khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0007655 ngày 03/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Anh Dương Đức B phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- UBND xã Ngọc Mỹ;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Lực

